TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2025/KDTM-ST
Ngày 29/9/2025
Về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐẮK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Giao.

2. Bà Tống Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh - Kiểm sát viên

Ngày 29/9/2025, tại Toà án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2025/TLST-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-KDTM ngày 28/8/2025, quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST – KDTM ngày 12/9/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà A, số I C, phường D, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Phạm Hải M

Địa chỉ: 3 N, phường B, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Công ty cổ phần G. *Đại diện theo pháp luật:* ông Vy Trọng Q – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: 3 N, phường T, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ trụ sở Công ty H: B Y, phường E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Vy Trọng Q.

Địa chỉ: A Y, phường E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Anh N.

Địa chỉ: A T, phường B, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Hùng M1.

Địa chỉ: 7 Đ, phường T, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty Cổ phần G đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là V1) theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: CLC-13644-01 ngày 27/02/2024, hạn mức thấu chi: 500.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động Buôn bán vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng. Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi: 12 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Lãi suất cho trong hạn tại thời điểm ký. Hợp đồng này là 20%/năm; lãi suất cho vay trong hạn sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn duy trì Hạn mức thấu chi. Ngày quá hạn: 06/12/2024.

Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tất cả tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Vy Trọng Q, ông Nguyễn Anh N và ông Nguyễn Hùng M1 qua hợp đồng bảo lãnh với nội dung ông Vy Trọng Q, ông Nguyễn Anh N và ông Nguyễn Hùng M1 đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình, cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho Công ty Cổ phần G trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần G theo Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-13644-14629534-C-01 ngày 27/2/2024 của ông Vy Trọng Q và Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-13644-14629534-C-02 ngày 27/2/2024 của ông Nguyễn Anh N và Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-13644-14629534-C-03 ngày 27/2/2024 của ông Nguyễn Hùng M1.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty Cổ phần G đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. V1 đã nhiều lần liên hệ và làm việc Công ty Cổ phần G, bên bảo lãnh ông Vy Trọng Q, ông Nguyễn Anh N và ông Nguyễn Hùng M1 để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty Cổ phần G, ông Vy Trọng Q, ông Nguyễn Anh N và ông Nguyễn Hùng M1 cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Vì vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa phán quyết buộc: Công ty Cổ phần G phải trả ngay một lần cho V1 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 29/9/2025

là: 596.636.108 đồng, trong đó: Nợ gốc: 464.511.035 đồng và nợ lãi: 132.125.073 đồng *(Trong đó nợ lãi trong hạn: 27.712.925 đồng, N1 lãi quá hạn: 102.149.558 đồng, lãi chậm trả: 2.262.590 đồng)*. Ngoài ra Công ty Cổ phần G vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các Hợp đồng cho vay đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V1.

Trường hợp Công ty Cổ phần G không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì yêu cầu ông Vy Trọng Q, ông Nguyễn Anh N và ông Nguyễn Hùng M1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-13644-14629534-C-01 ngày 27/2/2024 của ông Vy Trọng Q và Hợp đồng bảo lãnh Số: CLC-13644-14629534-C-02 ngày 27/2/2024 của ông Nguyễn Anh N và Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-13644-14629534-C-03 ngày 27/2/2024 của ông Nguyễn Hùng M1 đã ký kết.

2. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình làm việc trình bày như sau:

2.1. Ông Nguyễn Hùng M1 trình bày: Trong năm 2024 Công ty cổ phần G có vay Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 500.000.000 đồng. Khi vay Công ty có thỏa thuận lãi suất và có thời hạn trả nợ dạng hình thức vay khấu chi, mục đích sử dụng vốn vay bổ sung vốn lưu động. Khi vay giữa Ngân hàng và Công ty thống nhất người bảo lãnh người vay vốn gồm tôi, ông Vy Trọng Q, ông Nguyễn Anh N. Nay Ngân hàng khởi kiện tôi không ý kiến gì và yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

2.2. Ông Nguyễn Anh N trình bày: Công ty cổ phần G được thành lập vào tháng 3 năm 2023 gồm có 4 cổ đông là: ông Vy Trọng Q, ông Lê Đình Đ, ông Nguyễn Hùng M1, ông Nguyễn Anh N. Mỗi cổ đông cổ phần là 25%, ông Vy Trọng Q là giám đốc đại diện toàn bộ Công ty về mặt pháp lý, cùng với ông Đ, ông M1 trực tiếp điều hành, quản lý mọi hoạt động của Công ty, còn tôi không tham gia bởi công việc cả tôi phải đi làm xa tôi chỉ tham gia góp vốn.

Vào tháng 02/2024 ông Q gọi điện cho tôi nói Công ty G cần tiền để nhập hàng (gỗ nhựa) ban Giám đốc đã thống nhất với nhau và quyết định vay Ngân hàng TMCP V (V1) – Chi nhánh Đ1 số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Các thành viên trong cổ đông Công ty phải lên Ngân hàng TMCP V để ký vay. Ngày 27/02/2024 tôi có lên Ngân hàng V1 ký giấy tờ để Công ty G vay số tiền 500.000.000 đồng sau đó Ngân hàng V1 có giải ngân tiền về tài khoản Ngân hàng của Công ty G để lấy hàng (gỗ nhựa) về kinh doanh do ông Vy Trọng Q điều hành.

Thời gian đầu tiên việc trả nợ gốc+lãi cho Ngân hàng đều đặn, nhưng đến khoảng tháng 10/2024 thì ông Q thông báo Công ty G làm ăn gặp khó khăn nên việc trả nợ cho Ngân hàng các cổ đông góp tiền vào để trả nợ.

Đến ngày 04/7/2025 tôi nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk, tôi đến Tòa án và trình bày lại nội dung như trên.

Nay Ngân hàng V khởi kiện Công ty G trả nợ số tiền đã vay tôi đề nghị Công ty G trả nợ theo quy định của pháp luật. Đối với hợp đồng bảo lãnh của tôi ông Q và ông M1, Tòa án nhân dân Khu vực 1 xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Bị đơn – Công ty cổ phần G và ông Vy Trọng Q là đại diện theo pháp luật của Công ty Đ2 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là *"Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 467; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 và áp dụng Điều 91 luật của các tổ chức tín dụng. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Buộc Công ty Cổ phần G phải trả cho V1 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 29/9/2025 là: 596.636.108 đồng, trong đó: Nợ gốc: 464.511.035 đồng và nợ lãi: 132.125.073 đồng *(Trong đó nợ lãi trong hạn: 27.712.925 đồng, N1 lãi quá hạn: 102.149.558 đồng, lãi chậm trả: 2.262.590 đồng)*. Ngoài ra Công ty Cổ phần G vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các Hợp đồng cho vay đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V1.

Trường hợp Công ty Cổ phần G không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì ông Vy Trọng Q, ông Nguyễn Anh N và ông Nguyễn Hùng M1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-13644-14629534-C-01 ngày 27/2/2024 của ông Vy Trọng Q và Hợp đồng bảo lãnh Số: CLC-13644-14629534-C-02 ngày 27/2/2024 của ông Nguyễn Anh N và Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-13644-14629534-C-03 ngày 27/2/2024 của ông Nguyễn Hùng M1 đã ký kết.

Về án phí: Bị đơn – Công ty cổ phần G phải chịu án phí Kinh doanh

thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án thì nguyên đơn - Ngân hàng TMCP V (V1) yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk buộc bị đơn Công ty Cổ phần G phải trả cho V1 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 29/9/2025 là: 596.636.108 đồng, trong đó: Nợ gốc: 464.511.035 đồng và nợ lãi: 132.125.073 đồng *(Trong đó nợ lãi trong hạn: 27.712.925 đồng, N1 lãi quá hạn: 102.149.558 đồng, lãi chậm trả: 2.262.590 đồng)* và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/09/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"*.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – Công ty Cổ phần G có nơi trụ sở theo giấy phép kinh doanh tại phường T và địa chỉ cụ thể trụ sở công ty H1 trên địa bàn phường E, tỉnh Đắk Lắk nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vy Trọng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, đồng thời tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng biết để tham gia tố tụng tại Tòa án để tiến hành phiên họp công khai chứng cứ, các phiên hòa giải, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Trước khi xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty cổ phần G và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vy Trọng Q, ông Nguyễn Hùng M1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk xét xử vắng mặt đương sự.

[4]. Về nội dung tranh chấp: Giữa Công ty Cổ phần G và Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là V1) có ký Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: CLC-13644-01 ngày 27/02/2024, hạn mức thấu chi: 500.000.000

đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động Buôn bán vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng. Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi: 12 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Lãi suất cho trong hạn tại thời điểm ký. Hợp đồng này là 20%/năm; lãi suất cho vay trong hạn sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn duy trì Hạn mức thấu chi. Ngày quá hạn: 06/12/2024. Để đảm bảo khoản vay ông Vy Trọng Q, ông Nguyễn Anh N và ông Nguyễn Hùng M1 đã ký hợp đồng bảo lãnh với Ngân hàng V1 theo Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-13644-14629534-C-01 ngày 27/2/2024 của ông Vy Trọng Q và Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-13644-14629534-C-02 ngày 27/2/2024 của ông Nguyễn Anh N và Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-13644-14629534-C-03 ngày 27/2/2024 của ông Nguyễn Hùng M1.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty Cổ phần G đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. V1 đã nhiều lần liên hệ và làm việc Công ty Cổ phần G, bên bảo lãnh ông Vy Trọng Q, ông Nguyễn Anh N và ông Nguyễn Hùng M1 để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty Cổ phần G, ông Vy Trọng Q, ông Nguyễn Anh N và ông Nguyễn Hùng M1 cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa giải quyết buộc: Công ty Cổ phần G phải trả ngay một lần cho V1 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 29/9/2025 là: 596.636.108 đồng, trong đó: Nợ gốc: 464.511.035 đồng và nợ lãi: 132.125.073 đồng *(Trong đó nợ lãi trong hạn: 27.712.925 đồng, N1 lãi quá hạn: 102.149.558 đồng, lãi chậm trả: 2.262.590 đồng)*. Ngoài ra Công ty Cổ phần G vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các Hợp đồng cho vay đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V1.

Trường hợp Công ty Cổ phần G không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì yêu cầu ông Vy Trọng Q, ông Nguyễn Anh N và ông Nguyễn Hùng M1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-1364414629534-C-01 ngày 27/2/2024 của ông Vy Trọng Q và Hợp đồng bảo lãnh Số: CLC-13644-14629534-C-02 ngày 27/2/2024 của ông Nguyễn Anh N và Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-13644-14629534-C-03 ngày 27/2/2024 của ông Nguyễn Hùng M1 đã ký kết.

Hội đồng xét xử xét thấy:

4.1. Xét Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: CLC-13644-01 ngày 27/02/2024 giữa ngân hàng TMCP V với Công ty cổ phần G Ý là sự tự nguyện của các bên, nên phát sinh hiệu lực và có giá trị pháp lý đối với các bên. Sau khi ký hợp đồng vay thấu chi với hạn mức là 500.000.000 đồng, thì Công ty cổ phần G mới thanh toán một phần tiền gốc và tiền lãi trong đó gốc đã trả là 35.488.965 đồng và tiền lãi đã trả là 49.109.551 đồng, số tiền còn lại Công ty cổ phần G không thực việc thanh toán trả lại cho Ngân hàng là vi phạm hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng Hội

đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của TMCP Việt Nam V để buộc Công ty cổ phần G phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc 464.511.035 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

4.2. *Đối với tiền lãi suất:* Xét thấy phần yêu cầu tính lãi suất và tiền phí của Ngân hàng từ ngày 27/02/2024 đến ngày 29/9/2025 với tổng số tiền lãi, phí là 132.125.073 đồng *(Trong đó nợ lãi trong hạn: 27.712.925 đồng, N1 lãi quá hạn: 102.149.558 đồng, lãi chậm trả: 2.262.590 đồng)* là phù hợp nên cần chấp nhận. Kể từ ngày 30/9/2025 Công ty cổ phần G phải tiếp tục chịu tiền lãi suất theo cam kết trong hợp đồng cấp thẻ tín dụng mà các bên đã thỏa thuận.

4.3. Để đảm bảo khoản vay giữa Ngân hàng V1 với ông Vy Trọng Q, ông Nguyễn Anh N và ông Nguyễn Hùng M1 có ký hợp đồng bảo lãnh để đảm bảo khoản vay thấu chi số tiền vay 500.000.000 đồng và cam kết đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình, cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho Công ty Cổ phần G trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần G theo Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-1364414629534-C-01 ngày 27/2/2024 của ông Vy Trọng Q và Hợp đồng bảo lãnh Số: CLC-13644-14629534-C-02 ngày 27/2/2024 của ông Nguyễn Anh N và Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-13644-14629534-C-03 ngày 27/2/2024 của ông Nguyễn Hùng M1 đã ký kết. Xét thấy việc các bên ký kết hợp đồng bảo lãnh là đúng quy định nên trong trường hợp Công ty cổ phần gỗ nhựa Việt ý không trả nợ hoặc trả nợ không hết thì ông Vy Trọng Q, ông Nguyễn Hùng M1 và ông Nguyễn Anh N có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng V1.

[5]. Về án phí: Do đơn khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng TMCP V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.286.000 đồng theo biên lai số 0001371 ngày 29/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1).

Bị đơn – Công ty cổ phần G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với tổng số tiền còn nợ cụ thể là: 20.000.000 đồng + [(596.636.108 đồng – 400.000.000 đồng) x 4%] = 27.865.444 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 467; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 luật của các tổ chức tín dụng.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V1).

Buộc Công ty Cổ phần G phải trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) tổng số nợ là: 596.636.108 đồng, trong đó: Nợ gốc: 464.511.035 đồng và nợ lãi: 132.125.073 đồng *(Trong đó nợ lãi trong hạn: 27.712.925 đồng, N1 lãi quá hạn: 102.149.558 đồng, lãi chậm trả: 2.262.590 đồng)* được tính đến ngày 29/9/2025.

Kể từ ngày 30/9/2025 Công ty Cổ phần G vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các Hợp đồng cho vay đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V1.

1.2. Về hợp đồng bảo lãnh khoản vay: Trường hợp Công ty Cổ phần G không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) thì ông Vy Trọng Q, ông Nguyễn Anh N và ông Nguyễn Hùng M1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-1364414629534-C-01 ngày 27/2/2024 của ông Vy Trọng Q và Hợp đồng bảo lãnh Số: CLC-13644-14629534-C-02 ngày 27/2/2024 của ông Nguyễn Anh N và Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-13644-14629534-C-03 ngày 27/2/2024 của ông Nguyễn Hùng M1.

2. Về án phí:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.286.000 đồng theo biên lai số 0001371 ngày 29/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 – Đắk Lắk).

Bị đơn – Công ty cổ phần G phải chịu 27.865.444 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6;*

Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

*** <u>Nơi nhận</u>:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Kam Ênuôl